

Số: **728/2021/QĐST-VHNGĐ**

B, ngày 27 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1110/2021/TLST-VHNGĐ, ngày 14/5/2021, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979.

2. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1988.

Cùng trú tại: 642, tổ 15, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Đinh Thị M xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông T và bà M có 01 con chung tên là Nguyễn Anh N, sinh ngày 30/6/2011. Ly hôn ông T và bà M thống nhất thỏa thuận giao cháu N cho bà M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà M xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà M xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Nguyễn Anh T và bà Đinh Thị M tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông T, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0001266 ngày 11/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T và bà Đinh Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh N, sinh ngày 30/6/2011 cho bà Đinh Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí VHNGĐ-ST: Ông Nguyễn Anh T và bà Đinh Thị M tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông T, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0001266 ngày 11/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Lan Hương